

Số: 37

Ngày 21/9/2020

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. *Đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.*
2. *Từ 01/11, nhiều trẻ em mẫu giáo được hưởng chế độ hỗ trợ ăn trưa.*
3. *Căn cứ mới điều chỉnh vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập từ ngày 15/11.*
4. *TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh được tăng thêm không quá 10 Phó Giám đốc sở.*
5. *Mỗi phòng chuyên môn cấp huyện có tối đa 02 Phó Trưởng phòng.*
6. *Gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.*
7. *Không để hộ dân nào thiếu nước sinh hoạt.*
8. *Hà Nội: Quy định mới về số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn.*
9. *Yêu cầu kỹ thuật đối với hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. *Tiêu chuẩn tham gia thi thăng hạng lên biên tập viên hạng II, phóng viên hạng II năm 2020?*
2. *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với chức danh phóng viên hạng II, biên tập viên hạng II?*
3. *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với chức danh phóng viên hạng II, biên tập viên hạng II?*
4. *Hồ sơ dự thi thăng hạng lên biên tập viên hạng II, phóng viên hạng II năm 2020 cần những giấy tờ gì?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

Trước tác động của đại dịch Covid-19, các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế, xuất nhập khẩu, thu ngân sách nhà nước, phát triển du lịch... đến hết quý II năm 2020 của các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) đều thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Để khắc phục những hạn chế còn tồn tại, phục hồi nhanh và tạo đà tăng trưởng cho nền kinh tế, Chính phủ yêu cầu các địa phương trong vùng KTTĐ nỗ lực, quyết tâm cao nhất vượt qua khó khăn, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh, đổi mới, sáng tạo để tạo động lực phát triển chung của vùng và vì sự phát triển chung của đất nước, ngày 11/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.

Tại Nghị quyết, Chính phủ yêu cầu các địa phương trong vùng KTTĐ quán triệt các quan điểm và nghiêm túc thực hiện quyết liệt: đổi mới tư duy, sáng tạo, khơi dậy khát vọng vươn lên mạnh mẽ của toàn vùng và từng địa phương, phát huy tinh thần tự lực, tự cường và xác định các yếu tố bứt phá để phấn đấu vươn lên, phát triển nhanh, bền vững, đóng góp một cách thiết thực vào việc hiện thực hóa khát vọng phát triển của vùng và của cả nước. Đồng thời, các địa phương cần khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách về điều phối liên kết vùng để thúc đẩy liên kết vùng KTTĐ đảm bảo chủ động, hiệu quả; kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc

trong quá trình triển khai các hoạt động liên kết vùng.

Bên cạnh đó cần xây dựng quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo có tầm nhìn dài hạn, phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có, tính liên kết đặc thù của từng vùng. Xây dựng quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo phương pháp tích hợp nhiều quy hoạch, thể hiện được vai trò "đầu tàu" của vùng KTTĐ với cách làm đổi mới sáng tạo, không tư duy dàn trải, cát cứ, chỉ nghĩ lợi ích một địa phương mà bỏ qua các yếu tố vùng, yếu tố quốc gia; xây dựng cơ chế chính sách đặc thù huy động nguồn lực xã hội và bố trí nguồn lực đầu tư thích đáng từ nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021-2025 để phát triển kết cấu hạ tầng của vùng KTTĐ, nhất là các dự án giao thông, thủy lợi liên vùng, các dự án quan trọng quy mô lớn tác động lan tỏa tích cực, các công trình chống ngập, trữ nước, kiểm soát mặn, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Song song với đó, phải xác định các ngành, lĩnh vực phù hợp với đặc thù, lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương trong vùng để tập trung thu hút đầu tư, hạn chế phát triển dàn trải, trùng lặp, cạnh tranh giữa các vùng và nội vùng; tránh phụ thuộc vào một số ngành, lĩnh vực phát triển không bền vững, đã hết dư địa tăng trưởng. Các tỉnh, thành phố trong vùng KTTĐ cần luôn đi đầu trong đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến và áp dụng các mô hình phát triển kinh tế mới, thể hiện vai trò đầu

tàu, “hạt nhân phát triển” của nền kinh tế quốc gia.

Nghị quyết cũng nêu rõ các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể về xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch; về huy động nguồn lực đầu tư phát triển; về đào tạo và sử dụng lao động; về cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin vùng; về cơ chế điều phối vùng KTTĐ và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực.

2. TỪ 01/11, NHIỀU TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĂN TRƯA

Nhiều trẻ em mẫu giáo được hưởng chế độ hỗ trợ ăn trưa là một trong những nội dung nổi bật được nêu tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 08/9/2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Nghị định này áp dụng đối với nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập; trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập; trường mầm non, lớp mầm non độc lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non); các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Cụ thể, từ ngày 01/11, trẻ em độ tuổi mẫu giáo (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng khi bảo đảm một trong những điều kiện sau: có cha/mẹ/người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế -

xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định; là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định; trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh và một số đối tượng khác theo quy định; trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Bên cạnh đó, trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp cũng được hưởng hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Ngoài ra, giáo viên mầm non dạy tại điểm lẻ của cơ sở giáo dục mầm non công lập ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định được hỗ trợ thêm một khoản bằng tiền là 450.000 đồng/tháng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng một tháng). Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Tiền hỗ trợ được trả cùng với việc chi trả tiền lương của tháng và không dùng tính đóng

hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Đối với giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp cũng được hỗ trợ tối thiểu 800.000 đồng/tháng.

Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

3. CĂN CỨ MỚI ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỪ NGÀY 15/11

Từ ngày 15/11, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập sẽ được căn cứ theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại

học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Nghị định quy định cụ thể 02 căn cứ xác định vị trí việc làm gồm có: căn cứ thứ nhất là chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập; căn cứ thứ hai là mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Đối với việc xác định số người làm việc có 03 căn cứ gồm: vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập; mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; thực trạng quản lý sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị. Việc xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp dựa trên 03 căn cứ là danh mục vị trí việc làm; mức độ phức tạp của công việc của vị trí việc làm và tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với vị trí việc làm.

Tất cả các căn cứ xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc đều dựa trên nguyên tắc phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập. Bảo đảm một người làm việc

phải được giao đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian lao động quy định. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì phải bố trí kiêm nhiệm. Đồng thời, cũng bảo đảm được cơ cấu hợp lý, trong đó số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngoài ra, Nghị định cũng nêu rõ chậm nhất đến hết ngày 30/6/2021, Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập. Chậm nhất sau 03 tháng kể từ ngày Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định, các bộ, ngành, địa phương phải phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

4. TP. HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH ĐƯỢC TĂNG THÊM KHÔNG QUÁ 10 PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ

Ngày 14/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 107/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; có hiệu lực thi hành từ ngày 25/11/2020.

Theo đó, Nghị định quy định bình quân mỗi sở có 3 Phó Giám đốc. Căn cứ số lượng sở được thành lập và tổng số lượng Phó Giám đốc, UBND cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Giám đốc của từng sở cho phù hợp. Riêng Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài tổng số lượng Phó Giám đốc theo quy định tính bình quân chung thì mỗi thành phố được tăng thêm không quá 10 Phó Giám đốc.

Nghị định cũng bổ sung quy định số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở. Cụ thể, phòng thuộc sở của Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có dưới 10 biên chế công chức, phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I có dưới 9 biên chế công chức và phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại II và loại III có dưới 8 biên chế công chức được bố trí 1 Phó Trưởng phòng. Phòng có từ 10 đến 14 biên chế công chức, phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I có từ 9 đến 14 biên chế công chức và phòng loại II và loại III có từ 8 đến 14 biên chế công chức được bố trí không quá 2 Phó Trưởng phòng. Phòng có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 3 Phó Trưởng phòng.

Ngoài ra, Nghị định cũng nêu rõ Thanh tra sở có dưới 8 biên chế công

chức được bố trí 1 Phó Chánh Thanh tra; thanh tra sở có từ 8 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 2 Phó Chánh Thanh tra. Số lượng Phó Chánh Văn phòng sở được thực hiện như quy định số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở. Đối với số lượng Phó Chi cục thuộc sở, Nghị định quy định: Chi cục có từ 1-3 phòng và tương đương được bố trí 1 Phó Chi cục trưởng; chi cục không có phòng hoặc có từ 4 phòng và tương đương trở lên được bố trí không quá 2 Phó Chi cục trưởng. Về số lượng Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở, phòng có dưới 7 biên chế công chức được bố trí 1 Phó Trưởng phòng; phòng có từ 7 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 2 Phó Trưởng phòng.

5. MỖI PHÒNG CHUYÊN MÔN CẤP HUYỆN CÓ TỐI ĐA 02 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Bình quân mỗi phòng chuyên môn cấp huyện có 02 Phó Trưởng phòng là quy định mới được Chính phủ phê duyệt tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc trung ương.

Cụ thể, từ ngày 25/11/2020, mỗi phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện chỉ có 02 Phó Trưởng phòng, giảm 01 Phó Trưởng phòng so với Nghị định số 37/2014/NĐ-CP. Căn cứ số lượng phòng chuyên môn được thành lập và tổng số lượng Phó Trưởng phòng mà UBND cấp huyện

quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn cho phù hợp.

Ngoài ra, Nghị định còn quy định đối với các cơ quan chuyên môn ở các huyện đảo sẽ căn cứ vào điều kiện cụ thể để UBND huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện đảo, bảo đảm không vượt quá 10 phòng. Ngoài trừ huyện đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang được thành lập không quá 12 phòng. Bên cạnh đó, các UBND cấp huyện có thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc muốn thành lập phòng Dân tộc phải đáp ứng đủ các tiêu chí: có ít nhất 5.000 người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển; có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư; biên giới có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại. Trường hợp không tổ chức riêng Phòng Dân tộc thì chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực dân tộc do Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND thực hiện.

6. GIA HẠN THỜI HẠN NỘP THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI Ô TÔ SẢN XUẤT HOẶC LẮP RÁP TRONG NƯỚC

Trong thời gian vừa qua, đại dịch Covid-19 đã và đang ảnh hưởng đến nhiều ngành, nghề lĩnh vực sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, trong đó có ngành sản xuất và lắp ráp ô tô trong nước. Để kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong việc tái sản

xuất, nối lại chuỗi cung ứng và thúc đẩy thị trường ô tô sản xuất/lắp ráp trong nước, ngày 15/9/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2020/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước; có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nghị định quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 8, tháng 9 và tháng 10 năm 2020 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Thời gian gia hạn kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, cụ thể như sau: kỳ thuế tháng 3/2020 nộp chậm nhất là ngày 20/9/2020; kỳ thuế tháng 4/2020 nộp chậm nhất là ngày 20/10/2020; kỳ thuế tháng 5/2020 nộp chậm nhất là ngày 20/11/2020; đối với kỳ thuế từ tháng 6 đến tháng 10/2020 nộp chậm nhất là ngày 20/12/2020.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung. Nếu người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật hiện hành, nhưng chưa phải nộp số thuế tiêu thụ đặc biệt thì phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế tiêu thụ đặc

biệt đã kê khai. Đối với doanh nghiệp có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế tiêu thụ đặc biệt riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất hoặc lắp ráp ô tô thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Người nộp thuế tự xác định và chịu trách nhiệm về việc đề nghị gia hạn đảm bảo đúng đối tượng được gia hạn theo Nghị định này. Nếu người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho cơ quan thuế sau ngày 30/9/2020 thì không được gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, căn cứ Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, cơ quan thuế không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được gia hạn (bao gồm cả trường hợp Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt gửi cơ quan thuế sau khi đã nộp hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt chậm nhất là ngày 30/9/2020). Trường hợp, cơ quan thuế đã tính tiền chậm nộp đối với các hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc trường hợp được gia hạn theo quy định tại Nghị định này thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh lại

không tính tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

7. KHÔNG ĐỂ HỘ DÂN NÀO THIẾU NƯỚC SINH HOẠT

Đây là một trong những nội dung chính được nêu tại Chỉ thị số 36/CT-TTg được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 11/9/2020 về chủ động triển khai các biện pháp ứng phó nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong mùa khô 2020-2021 ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Để chủ động thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh, trước hết là trong các tháng mùa khô năm 2020-2021, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khu vực Đồng bằng sông Cửu Long theo dõi chặt chẽ diễn biến, thông tin dự báo khí tượng thủy văn, tình hình xâm nhập mặn, chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn cho mùa khô năm 2020-2021 với các kịch bản khả năng ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, bao gồm cả các kịch bản ứng phó với xâm nhập mặn cực đoan như đã xảy ra các năm 2015-2016, 2019-2020. Cần xác định từng vùng, từng khu vực có khả năng bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn để chỉ đạo, triển khai giải pháp cụ thể, bảo đảm giảm thiểu ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh.

Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn nghiêm trọng cần ưu tiên nguồn nước để cấp nước sinh hoạt cho người dân, chăn nuôi gia súc và tưới cho cây trồng có giá trị kinh tế cao; quán triệt phương châm không để hộ dân nào thiếu nước sinh hoạt. Huy động cả hệ thống chính trị cơ sở vào cuộc, tập trung làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn để từng hộ gia đình, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn hiểu, chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, trong đó mỗi gia đình, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, xóm, ấp, làng, xã, huyện, tỉnh cần chủ động có giải pháp phù hợp để dự trữ nước ngọt ngay từ cuối mùa mưa nhằm bảo đảm nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất trong các tháng mùa khô, không để bị động, bất ngờ.

Hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp tích, trữ nước, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nước, triệt để chống thất thoát, lãng phí nước. Chủ động thực hiện sớm việc nạo vét kênh, rạch, đào ao, giếng, đắp đập tạm để trữ nước ngọt và ngăn mặn...; tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, nhất là các công trình giữ ngọt, kiểm soát mặn, hệ thống kênh mương, đường ống dẫn nước ở các vùng có nguy cơ cao xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

8. HÀ NỘI: QUY ĐỊNH MỚI VỀ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN

Ngày 07/9/2020, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND về việc quy định số lượng và một số nội dung về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định, số lượng cán bộ, công chức phường được phân loại như sau: phường loại 1 bố trí tối đa 23 người (trong đó: cán bộ không quá 10 người, công chức không quá 13 người); phường loại 2 bố trí tối đa 21 người (trong đó: cán bộ không quá 09 người, công chức không quá 12 người); phường loại 3 bố trí tối đa 19 người (trong đó: cán bộ không quá 09 người, công chức không quá 10 người); đối với phường thuộc thị xã Sơn Tây có chức danh Chủ tịch Hội Nông dân thì số lượng cán bộ bố trí tăng 01 người, số lượng công chức bố trí giảm 01 người so với quy định trên.

Bên cạnh đó, các xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã được bố trí Trưởng Công an xã, thị trấn là công an chính quy nên số lượng cán bộ, công chức tại các xã, thị trấn được bố trí như sau: xã, thị trấn loại 1 bố trí tối đa 22 người (trong đó: cán bộ không quá 11 người, công chức không quá 11 người); xã, thị trấn loại 2 bố trí tối đa 20 người (trong đó: cán bộ không quá 11 người, công chức không quá 09 người); xã, thị trấn loại 3 bố trí tối đa 18 người (trong đó: cán bộ không quá 10 người, công chức không quá 08 người).

UBND quận, huyện, thị xã căn cứ số lượng cán bộ, công chức cấp xã được giao và định hướng bố trí số lượng cán bộ, cơ cấu bố trí công chức cấp xã đúng quy định; thực hiện tuyển dụng, phân công, điều động, luân chuyển và bố trí người đảm nhận các chức danh công chức cấp xã phù hợp với ngành, chuyên đào tạo và đáp ứng yêu cầu của vị trí chức danh công chức. Trường hợp dồi dư thì cân đối điều động công chức sang các xã, phường, thị trấn còn thiếu; sắp xếp bầu các chức danh cán bộ đã quy hoạch hoặc giải quyết tình giản biên chế... Xã, thị trấn loại 2 được bố trí tối đa 20 người (trong đó: cán bộ không quá 10 người, công chức không quá 10 người), cho đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 thì thực hiện đúng định mức quy định tại Quyết định này.

Ngoài ra, Quyết định còn định hướng bố trí Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Trường hợp thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì bố trí Phó Bí thư Đảng ủy (thường trực) kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2020.

9. YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Ngày 09/9/2020, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 23/2020/TT-BTTTT quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Thông tư này quy định về các nội

dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường (sau đây gọi là dịch vụ) sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2020.

Cụ thể, hợp đồng thuê dịch vụ phải đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật được xác định theo các tiêu chí, bảo đảm phù hợp với các yêu cầu chất lượng dịch vụ trong kế hoạch thuê dịch vụ được phê duyệt, bao gồm: các tiêu chí về chức năng nghiệp vụ; các tiêu chí về hiệu năng vận hành; các tiêu chí về an toàn thông tin; các tiêu chí phi chức năng khác; các tiêu chí về sự hài lòng của người sử dụng; các tiêu chí về quản lý dịch vụ; các tiêu chí, yêu cầu chất lượng vụ thể và yêu cầu đầu ra của

từng tiêu chí theo hướng dẫn. Trong quá trình triển khai thuê dịch vụ, dựa trên những yêu cầu riêng biệt, đặc thù của cơ quan, đơn vị, chủ trì thuê dịch vụ xem xét, lựa chọn áp dụng một số hoặc toàn bộ các tiêu chí quy định tại khoản này và bổ sung, cập nhật các tiêu chí khác (nếu cần thiết).

Ngoài ra, sau khi kết thúc thời gian thuê, nhà cung cấp dịch vụ phải chuyển giao toàn bộ thông tin và dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ cho chủ trì thuê dịch vụ theo phương án được các bên thống nhất trong hợp đồng. Đồng thời, chủ trì thuê dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ phải thống nhất các yêu cầu về bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến dịch vụ và các yêu cầu khác tùy theo tính chất, đặc điểm, nhu cầu thực tế của dịch vụ. Bên cạnh đó, thời gian thuê dịch vụ được tính từ thời điểm nghiệm thu, bàn giao dịch vụ để đưa vào sử dụng đến khi kết thúc thời gian thuê dịch vụ.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 219/2016/TT-BTC NGÀY 10/11/2016 QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ TẠI VIỆT NAM

Bộ Tài chính vừa xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và

sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

Dự thảo có nhiều nội dung được sửa đổi, bổ sung liên quan đến việc cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài. Cụ thể, dự thảo đưa thêm nội dung thu phí cấp thẻ tạm trú có thời hạn từ 05 năm đến không quá 10 năm có mức là 165 USD/thẻ. Ngoài ra, bổ sung nội dung cấp thị thực theo danh sách xét duyệt nhân sự của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài thăm

quan, du lịch bằng đường biển hoặc quá cảnh đường biển có nhu cầu vào nội địa thăm quan, du lịch theo chương trình do doanh nghiệp lữ hành quốc tế tại Việt Nam tổ chức; thành viên tàu quân sự nước ngoài đi theo chương trình hoạt động chính thức của chuyến thăm ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tàu, thuyền neo đậu với mức phí là 5 USD/người. Bên cạnh đó, dự thảo cũng bãi bỏ nội dung thu phí đối với người nước ngoài được Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực nhiều lần ký hiệu LĐ, ĐT thời hạn trên 01 năm và bãi bỏ nội dung

thu phí 5 USD/người đối với cấp thị thực tại cửa khẩu có giá trị không quá 15 ngày trong trường hợp người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo diện đơn phương miễn thị thực, sau đó xuất cảnh sang nước thứ ba rồi nhập cảnh trở lại Việt Nam cách thời điểm xuất cảnh chưa đến 30 ngày.

Hiện dự thảo đã được đăng tải lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính để lấy ý kiến góp ý từ nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để hoàn thiện Nghị định trước khi trình Chính phủ xem xét ban hành.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Tiêu chuẩn tham gia thi thăng hạng lên biên tập viên hạng II, phóng viên hạng II năm 2020?

Trả lời: Mục I, công văn số 245/TCCB của Ban Tổ chức – Cán bộ Thông tấn xã Việt Nam ban hành ngày 11/9/2020 về việc cử công chức, viên chức dự thi thăng hạng II, phóng viên hạng II năm 2020 nêu rõ tiêu chuẩn đăng ký dự thi thăng hạng II, phóng viên hạng II năm 2020 như sau:

- Đã được bổ nhiệm vào chức danh phóng viên hạng III (trường hợp thi thăng hạng lên phóng viên hạng II) hoặc biên tập viên hạng III (trường hợp thi thăng hạng lên biên tập viên hạng II);

- Được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời hạn nộp hồ sơ dự thi thăng hạng (năm 2017, 2018,

2019); có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không đang trong thời gian cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật;

- Có đầy đủ văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh phóng viên hạng II, biên tập viên hạng II quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ngày 07/4/2016 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

2. Hỏi: Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với chức danh phóng viên hạng II, biên tập viên hạng II?

Trả lời: Khoản 2, Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-

BTTTT-BNV của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ngày 07/4/2016 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông có quy định tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với chức danh phóng viên hạng II, biên tập viên hạng II gồm:

- Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành báo chí, xuất bản trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học khác chuyên ngành báo chí, xuất bản thì phải qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí, xuất bản từ 08 tuần trở lên;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị trở lên;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh Biên tập viên hạng II.

3. Hỏi: Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với chức danh phóng viên hạng II, biên tập viên hạng II?

Trả lời: Theo khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ngày 07/4/2016 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh

viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông quy định tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với chức danh phóng viên hạng II, biên tập viên hạng II gồm:

- Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực chuyên ngành; những thành tựu mới, các sự kiện quan trọng của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội;

- Thành thạo về nghiệp vụ chuyên ngành; về các loại hình văn hóa, nghệ thuật; về xã hội học và vận dụng có hiệu quả vào việc biên tập;

- Đã chủ trì biên tập ít nhất 02 (hai) tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật, khoa học chuyên ngành thừa nhận hoặc đạt giải thưởng; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học nghiệp vụ chuyên ngành (cấp Bộ hoặc tương đương);

- Viên chức thăng hạng từ chức danh Biên tập viên hạng III lên chức danh Biên tập viên hạng II phải có thời gian giữ chức danh Biên tập viên hạng III và tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm, trong đó có ít nhất 03 (ba) năm giữ chức danh Biên tập viên hạng III.

4. Hỏi: Hồ sơ dự thi thăng hạng lên biên tập viên hạng II, phóng viên hạng II năm 2020 cần những giấy tờ gì?

Trả lời: Theo mục III, công văn số 245/TCCB của Ban Tổ chức – Cán bộ Thông tấn xã Việt Nam ban hành ngày 11/9/2020 về việc cử công chức, viên chức dự thi thăng

hạng lên biên tập viên hạng II, phóng viên hạng II năm 2020, hồ sơ đăng ký dự thi gồm có:

- Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Bản sơ yếu lý lịch theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012, có xác nhận của cơ quan quản lý công chức, viên chức.

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đối với công chức, viên chức dự thi.

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Các văn bản khác theo quy định tiêu chuẩn nghiệp chức danh nghề nghiệp viên chức dự thi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, chứng thực.

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi thăng hạng.

- Có bản sao quyết định chủ trì biên tập ít nhất 02 (hai) tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật, khoa học chuyên ngành thừa nhận hoặc đạt giải thưởng hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học nghiệp vụ chuyên ngành (cấp bộ hoặc tương đương)./.